

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 11/11/2025.  
“V/v Xin Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 -VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Sa Rên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Nguyễn Thành Công.

2/. Ông Nguyễn Văn Hoà.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Tấn Tài –Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 -Vĩnh Long.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 -Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2025, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 -Vĩnh Long và điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã An Trường, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân Khu vực 11 -Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến đối với vụ án thụ lý số: 169/2025/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2025, về việc “ Xin Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2025/QĐXXST-HN ngày 20 tháng 10 năm 2025, giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Lưu Minh T, sinh năm 1984, địa chỉ Xóm 3, xã H, tỉnh Hà Tĩnh. (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

*Bị đơn:* Chị Võ Thị Mỹ X, sinh năm 1988, địa chỉ: ấp Mỹ H, xã N, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai anh Lưu Minh T trình bày:* Về hôn nhân anh với chị Võ Thị Mỹ X do quen biết nhau tự nguyện tiến đến hôn nhân và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 09/10/2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, sự việc kéo dài không khắc phục được nên anh với chị X đã sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay không hàn gắn được. Nay, anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị Mỹ X. *Về con chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết. *Về tài sản chung:* không yêu

cầu Tòa án giải quyết. *Về nợ chung phải thu, phải trả:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bị đơn chị Võ Thị Mỹ X có lời trình bày:* Chị X thống nhất với lời trình bày của anh Tuấn, về con chung, về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chị X cho rằng quá trình chung sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp với nhau nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2014 cho đến hôm nay.

Nay, về hôn nhân, chị X đồng ý ly hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung phải thu phải trả, chị X không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án do nguyên đơn có đơn xin vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, các đương sự không bổ sung cung cấp chứng cứ gì mới.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía nguyên đơn anh Lưu Minh T chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án:* Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 19, 56 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lưu Minh T. *Về hôn nhân:* Cho anh Lưu Minh T được ly hôn với chị Võ Thị Mỹ X. *Về con chung. Về tài sản chung, về nợ chung:* các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Ngoài ra, Vị còn đề nghị buộc nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về xác định quan hệ tranh chấp:** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “ ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

**[3] Về nội dung vụ án:**

**[3.1] Về quan hệ hôn nhân:** Anh T, chị X xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào 09/10/2012 theo quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa anh Lưu Minh T với chị Võ Thị Mỹ X là hôn nhân hợp pháp.

**[3.2] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn:** Anh T, chị X cho rằng vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào đầu năm 2014. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, sự việc kéo dài không khắc phục được nên anh T và chị X đã sống ly thân từ cuối năm 2014 cho đến nay không ai quan tâm đến ai, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân gia đình. “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị X và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được*”. Từ phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Minh T. Cho anh Lưu Minh T được ly hôn với chị Võ Thị Mỹ X.

**[3.3] Về con chung:** Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

**[3.4] Về tài sản chung:** Anh T, chị X không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3.5] Về nợ chung phải thu, phải trả:** Anh T, chị X xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3.6] Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Tuấn có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

**[3.7] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.**

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Minh T.

- *Về hôn nhân*: Cho anh Lưu Minh T được ly hôn với chị Võ Thị Mỹ X.

- *Về nuôi con*: Không có con chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Anh T, chị X không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí*: Anh Lưu Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003973 ngày 02/10/2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu, anh Lưu Minh T đã nộp đủ tiền án phí. Chị X không phải chịu án phí.

**2.** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

Phiên tòa sơ thẩm, được diễn ra theo hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 -Vĩnh Long và điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Vĩnh Long (với sự hỗ trợ của Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Vĩnh Long).

**Nơi nhận:**

-TAND tỉnh.

-VKSND cùng cấp, tỉnh.

-THADS tỉnh Vĩnh Long.

-Các đương sự.

-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Huỳnh Sa Rên**